

Số: /GPMT-CNCCN

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ KHU CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 25/02/2025 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thành lập, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Top D&P Vina tại Văn bản số 25/CV-TOP ngày 25/11/2024 về việc đề nghị cấp phép môi trường của cơ sở “Dự án Top D&P Vina” tại Lô 43, Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội và các tài liệu liên quan;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Xây dựng và Môi trường tại Báo cáo số:47/BC-XDMT ngày 15/04/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Top D&P Vina, địa chỉ trụ sở chính: Lô 43, Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở: “Dự án Top D&P Vina” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Dự án Top D&P Vina.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô 43, Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp: 0108870714, đăng ký lần đầu ngày 19/08/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 19/08/2024, nơi cấp: phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

1.4. Mã số thuế: 0108870714.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Mài, đánh bóng các bộ phận nhựa, nhôm của máy in, bộ phận xe ô tô, điều hòa; Tiện ren các bộ phận nhựa, nhôm của máy in, bộ phận xe ô tô, điều hòa; Cắt gọt các bộ phận nhựa, nhôm của máy in, bộ phận xe ô tô, điều hòa; Gia công, sản xuất linh kiện nhựa dùng để làm mẫu thử nghiệm cho các sản phẩm trong bộ phận của máy in, điều hòa, xe ô tô, đồ gia dụng; Gia công, sản xuất linh kiện nhôm, đồng để làm mẫu thử nghiệm cho các sản phẩm trong bộ phận của máy in, điều hòa, xe ô tô; Gia công, sản xuất linh kiện nhựa, nhôm, đồng có liên quan đến linh kiện điện tử dùng để làm mẫu thử nghiệm cho các sản phẩm trong bộ phận của máy in, điều hòa, xe ô tô; Gia công, sản xuất linh kiện nhựa, nhôm có liên quan đến điện tử dân dụng dùng để làm mẫu thử nghiệm cho các sản phẩm trong bộ phận của máy in, điều hòa, xe ô tô.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng mức đầu tư: 4.315.400.000 đồng (*Bốn tỷ, ba trăm mười lăm triệu, bốn trăm nghìn đồng./.*).

- Diện tích nhà xưởng: 776 m² (thuê tài sản gắn liền với đất của Công ty Cổ phần nhà thép Đinh Lê – nhà xưởng X3).

- Công suất:

+ Mài đánh bóng các bộ phận nhựa, nhôm của máy in, bộ phận xe ô tô, điều hòa: 21.320 sản phẩm/năm (tương đương khoảng 9,48 tấn sản phẩm/năm).

+ Tiện ren các bộ phận nhựa, nhôm của máy in, bộ phận xe ô tô, điều hòa: 10.800 sản phẩm/năm (tương đương khoảng 5,04 tấn sản phẩm/năm).

+ Cắt gọt các bộ phận nhựa, nhôm của máy in, bộ phận xe ô tô, điều hòa: 2.000 sản phẩm/năm (tương đương khoảng 0,5 tấn sản phẩm/năm).

+ Gia công, sản xuất linh kiện nhựa dùng để làm mẫu thử nghiệm cho các sản phẩm trong bộ phận của máy in, điều hòa, xe ô tô, gia dụng: 5.800 sản phẩm/năm (tương đương khoảng 0,5 tấn sản phẩm/năm).

+ Gia công, sản xuất linh kiện nhôm dùng để làm mẫu thử nghiệm cho các sản phẩm trong bộ phận của máy in, điều hòa, xe ô tô, gia dụng: 5.000 sản phẩm/năm

(tương đương khoảng 0,5 tấn sản phẩm/năm).

+ Gia công, sản xuất linh kiện nhựa, nhôm, đồng có liên quan đến linh kiện điện tử dùng để làm mẫu thử nghiệm cho các sản phẩm trong bộ phận của máy in, điều hòa, xe ô tô: 2.500 sản phẩm/năm (tương đương khoảng 0,25 tấn sản phẩm/năm).

+ Gia công, sản xuất linh kiện nhựa, nhôm, có liên quan đến linh kiện điện tử dân dụng dùng để làm mẫu thử nghiệm cho các sản phẩm trong bộ phận của máy in, điều hòa, xe ô tô: 2.500 sản phẩm/năm (tương đương khoảng 0,25 tấn sản phẩm/năm).

- Quy mô: Cơ sở nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công) và tương đương dự án đầu tư nhóm III (theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện đấu nối, xử lý nước thải và các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Top D&P Vina:

1. Có quyền, nghĩa vụ: Theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất thải không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội, cơ quan chức năng nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội để được hướng dẫn.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Phòng Xây dựng và Môi trường tham mưu để phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội, Ủy ban nhân dân huyện Mê Linh và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- UBND Thành phố
- PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền | (để b/c);
- Văn phòng UBNDTP
- Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội | (để ph/h);
- UBND huyện Mê Linh
- Văn phòng BQL (để đăng tải lên Trang thông tin điện tử của Ban Quản lý);
- Công ty TNHH Đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức (để biết);
- Công ty TNHH Top D&P Vina;
- Phòng KHĐT, QLDN (để phối hợp);
- Lưu: VT, XDMT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Đinh Trần Quân

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT- CNCCN ngày / /2025
của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nguồn phát sinh nước thải: Cơ sở chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt, không phát sinh nước thải sản xuất.

+ Nguồn thải số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ xí tiêu khu vực nhà vệ sinh tại nhà nhà máy.

+ Nguồn thải số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ bồn rửa tay, thoát sàn khu vực nhà vệ sinh tại nhà máy.

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường 2020 (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Quang Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường 2020, không xả trực tiếp ra môi trường).

- Công ty TNHH Top D&P Vina đã ký Hợp đồng thuê xưởng số 1908/ĐL-D&P/2019 ngày 26/08/2019 với Công ty Cổ phần nhà thép Đinh Lê kèm theo phụ lục hợp đồng số 03 ngày 21/02/2025.

- Công ty Cổ phần nhà thép Đinh Lê đã ký Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ xử lý nước thải số 29/HĐ-XLNT ngày 14/04/2018 với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức (Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Quang Minh).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1 Mạng lưới thu gom nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải tách biệt hoàn toàn với hệ thống thu gom nước mưa.

- Mạng lưới thu gom nước thải:

+ Nguồn thải số 1: Nước thải từ xí tiêu của khu nhà vệ sinh được thu gom bằng đường ống PVC D110 (L= 5m) đưa về bể tự hoại (V= 20 m³) rồi chảy vào hố ga thu gom nước thải của nhà máy (kích thước: 500x600mm).

+ Nguồn thải số 2: Nước thải từ bồn rửa tay, thoát sàn của khu nhà vệ sinh được thu gom bằng đường ống PVC D90 (L=5m) đưa về hố ga thu gom nước thải của nhà máy (kích thước: 500x600mm).

Toàn bộ nước thải sinh hoạt tại nguồn thải số 1 và số 2 được đưa về hố ga thu gom nước thải của nhà máy sau đó được chảy vào đường ống thu gom thoát nước thải của Công ty Cổ phần nhà thép Đinh Lê (PVC D200, L= 40m) rồi chảy ra hố ga đầu nối (kích thước: 1.000x1.000mm) và cuối cùng chảy vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Quang Minh để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 6.000 m³/ngày đêm. Tọa độ vị trí đầu nối: X(m) = 2344478; Y(m) = 579179 (theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰⁰’, múi chiều 3^o).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Thiết bị xử lý nước thải tại chỗ: 01 bể tự hoại dung tích 20m³.

1.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ bổ sung chế phẩm vi sinh vào bể tự hoại, giúp xúc tác cho quá trình phân hủy các chất hữu cơ nhanh hơn và khử mùi.
- Định kỳ 1 năm 1 lần thuê đơn vị có chức năng đến hút bùn bể tự hoại đem đi xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 31 Nghị định 08/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động cơ sở bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Quang Minh, không xả trực tiếp ra môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Quang Minh để tiếp tục xử lý.

3.3. Vận hành hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành cơ sở.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT- CNCCN ngày / /2025
của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG VỀ CẤP PHÉP TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Từ máy CNC trong khu vực sản xuất tại nhà máy;

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiều 3°) như sau:

- Nguồn số 01: Tọa độ: X = 2344340; Y = 579073.

3. Tiếng ồn, độ rung: phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Sử dụng máy móc, thiết bị có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo các thông số kỹ thuật.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Lắp đặt máy móc, thiết bị đúng yêu cầu kỹ thuật nhằm làm giảm chấn động khi hoạt động như: Lắp đặt các đệm chống ồn. Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các máy móc thiết bị có khả năng gây ồn lớn trong cùng một khu vực. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, bảo đảm động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Trang bị bảo hộ lao động cho công

nhân làm việc tại các khu vực tiếng ồn lớn như nút tai chống ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Thường xuyên kiểm tra máy móc, độ mòn các chi tiết máy, luôn tra dầu mỡ, bôi trơn các máy, bảo dưỡng các thiết bị và thay thế các chi tiết bào mòn.

2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT- CNCCN ngày / /2025
của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Phoi kim loại nhiễm thành phần nguy hại	07 03 11	KS	9.730
2	Hộp mực in thải	08 02 04	NH	1
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	NH	5
4	Bao bì cứng bằng nhựa nhiễm thành phần nguy hại	18 01 03	KS	300
5	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	KS	50
	Tổng			10.086

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Đồng, nhôm	0,5
2	Nhựa (bavia, phoi nhựa)	20,5
3	Thạch cao	5
4	Bùn từ bể tự hoại	20
	Tổng	46

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trung bình: 600 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng có dung tích 25 lít đặt tại các vị trí sản xuất có phát sinh CTNH, cuối ngày được nhân viên thu gom đưa về kho CTNH. Tại kho

bố trí 05 thùng bằng nhựa, bằng sắt có nắp đậy kín, dung tích thùng chứa 60 lít và 120 lít, các thùng chứa được dán nhãn, mã CTNH theo quy định.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích: 6m²
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Mái bằng tôn, sàn bằng bê tông có khả năng chống thấm; Khu vực lưu chứa có dán biển cảnh báo khu vực lưu giữ CTNH và trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định.

2.1.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa bằng nhựa có dung tích 60 lít và 240 lít, được đặt ở các vị trí sản xuất có phát sinh chất thải. Cuối ngày được nhân viên thu gom và đưa về kho lưu chứa.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Số lượng: 02 khu vực lưu giữ CTRCNTT như sau:
 - + Khu vực số 1: lưu giữ thạch cao thải.
 - + Khu vực số 2: lưu giữ CTRCNTT khác.
- Diện tích khu vực lưu chứa: tổng diện tích 17 m² (trong đó khu vực số 1 diện tích 5m² và khu vực số 2 diện tích 12 m²).
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Mái che bằng tôn, sàn bằng bê tông, khu vực lưu chứa có biển cảnh báo và bố trí thiết bị PCCC đầy đủ.

2.2.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Tại khu vực văn phòng có bố trí 02 thùng bằng nhựa, có nắp đậy kín, dung tích 60 lít/thùng, cuối ngày được nhân viên thu gom và đưa về 02 thùng chứa có dung tích 240 lít để lưu lưu chứa trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

2.3.2. Khu lưu giữ:

- Diện tích: 01 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Mái che bằng tôn, sàn bằng BTCT, khu vực lưu chứa có biển cảnh báo và bố trí thiết bị PCCC đầy đủ.

2.3.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ và biện pháp quản lý đối với chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, phân loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải đáp ứng quy định tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định tại Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường và các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Chương X Luật Bảo vệ môi trường, Chương IX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với đặc điểm hiện trạng của cơ sở. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

5. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT để có biện pháp quản lý phù hợp.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT- CNCCN ngày / /2025 của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện nghiêm túc các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong suốt quá trình hoạt động của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp phân loại rác thải tại nguồn và thực hiện việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy.

5. Thực hiện các trách nhiệm, yêu cầu khác của chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Quang Minh (Công ty TNHH Đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức) theo quy định của pháp luật.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); thực hiện trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh, cấp đổi giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện các quy định hiện hành./.